

Số: 47 /2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2013

CHỈ THỊ

Về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 (trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014). Để triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 về việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời Chính phủ cũng đã có chỉ đạo liên quan đến việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính tại Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2013 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2013. Ngày 19 tháng 7 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nêu trên, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện xử lý vi phạm hành chính, giữ vững trật tự, kỷ cương, bảo đảm quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Nhiệm vụ chung:

Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm:

a) Triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan bằng các hình thức và biện pháp thích hợp để cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân hiểu rõ, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong khi các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa được ban hành hoặc đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực thi hành, tiếp tục áp dụng quy định tại các Nghị định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính nếu không trái với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

c) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện việc tham mưu về công tác xử lý vi phạm hành chính.

d) Thực hiện lưu trữ và thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho Sở Tư pháp để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

đ) Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các mẫu biên bản, quyết định phù hợp để sử dụng trong phạm vi thành phố theo các biểu mẫu biên bản, mẫu quyết định ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

e) Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; kiến nghị làm đề xuất xử lý cụ thể gửi Sở Tư pháp để rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

g) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị định kỳ 6 tháng và hàng năm, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Xác định nhu cầu kinh phí, lập dự toán và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí hàng năm để đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác xử lý vi phạm hành chính.

c) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về mức phạt áp dụng trong khu vực nội thành đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định, ban hành.

3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tư pháp:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

b) Rà soát, tổng hợp báo cáo đề xuất những khó khăn, vướng mắc hoặc những quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

c) Phổ biến pháp luật, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

d) Tổng hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

đ) Trên cơ sở quy định của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

e) Phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các mẫu biên bản, quyết định phù hợp để sử dụng trong phạm vi thành phố.

g) Xác định nhu cầu kinh phí, lập dự toán và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí hàng năm để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn Sở Tư pháp và các đơn vị lập dự toán ngân sách để đảm bảo kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

b) Hướng dẫn Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán, bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ:

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về biên chế bảo đảm thực hiện nhiệm vụ về xử lý vi phạm hành chính theo quy định trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan.

6. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo việc đưa tin, tuyên truyền, phổ biến về Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Phối hợp Sở Tư pháp trong việc xây dựng Đề án về Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

7. Trách nhiệm của Giám đốc Công an thành phố:

Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về mức phạt áp dụng trong khu vực nội thành đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ; an ninh trật tự, an toàn xã hội để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

8. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- a) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.
- b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- c) Bảo đảm kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

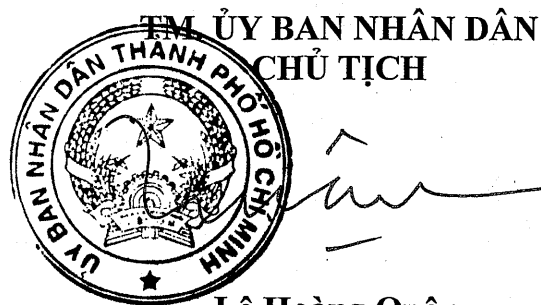
9. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

- a) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những nội dung quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tư pháp) kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.
- b) Thực hiện lưu trữ và thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp vào cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của thành phố.
- c) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn định kỳ 6 tháng và hàng năm, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.
- d) Bảo đảm kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

10. Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 10;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực HĐND thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Ban Pháp chế HĐND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VPUB: CVP, các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên; TTCB; TTTH;
- Lưu: VT, (PCNC/TNh) H. 38



Lê Hoàng Quân